

Giải pháp phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong bối cảnh hiện nay

Phạm Thị Bích Ngân

Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam gồm Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Phước, Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Long An, Tiền Giang đóng góp khoảng 45% vào kinh tế đất nước. Mặc dù vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (VKTĐPN) có nhiều tiềm năng, lợi thế, nhưng sự phát triển lại chưa tương xứng. Để VKTĐPN thật sự trở thành vùng kinh tế phát triển năng động với chất lượng tăng trưởng cao và là một điển hình về phát triển bền vững, trong thời gian tới, cần nghiên cứu, thực hiện các giải pháp đồng bộ.

1. Thực trạng phát triển vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam thời gian qua

Vùng VKTĐPN có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội: Hội tụ đủ điều kiện và lợi thế để phát triển công nghiệp, dịch vụ, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; hệ thống kết cấu hạ tầng khá đồng bộ, tập trung nhiều cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học; nguồn nhân lực dồi dào và có kỹ năng khá; trung tâm đầu mối dịch vụ và thương mại tầm cỡ khu vực và quốc tế, đặc biệt là các dịch vụ du lịch, tài chính, ngân hàng, viễn thông, cảng vụ... Các địa phương thuộc VKTĐPN luôn có mức tăng GDP cao hơn bình quân chung cả nước. Năm 2019, Chính phủ đã xác định vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nắm giữ vai trò "đầu tàu", dẫn dắt, phát triển bền vững đối với kinh tế đất nước. Tuy diện tích chỉ chiếm 9,2%, nhưng GDP của vùng chiếm hơn 45% cả nước và gần 51% GDP của bốn vùng kinh tế trọng điểm, đóng góp hơn 42% tổng thu ngân sách, trong đó, có 4 địa phương có tỷ lệ điều tiết ngân sách về Trung ương thuộc nhóm cao nhất (TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương). Riêng thành phố Hồ Chí Minh có thể được ví như "trụ cột phát triển" của cả vùng, chiếm 42% tổng dân số, 56% vốn đầu tư xã hội, và đóng góp 51% vào GDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Đáng chú ý, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là nơi tập trung số lượng các khu công nghiệp lớn nhất trong cả nước. Tại đây có Khu công nghệ cao, 2 khu chế xuất Tân Thuận và Linh Trung, Công viên phần mềm Quang Trung và hàng chục khu công nghiệp thu hút khác như Biên Hòa, Nhơn Trạch, Loteco, Amata (Đồng Nai), Sóng Thần; Việt Nam - Singapore, Việt Hương, Nam Tân Uyên, Mỹ Phước, Đồng An (Bình Dương), Tân Tạo, Vĩnh Lộc, Tân Bình (thành phố Hồ Chí Minh)...

Ngoài ra còn có một số khu công nghiệp tập trung ở Long An (Bến Lức, Cần Giuộc, Cần Đức,

Thủ Thừa, Đức Hòa); Mỹ Tho - Tiền Giang (Khu công nghiệp Mỹ Tho (79,14 ha), Khu công nghiệp Tân Hưng (197 ha), Khu công nghiệp Long Giang (600 ha), Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu Khí (1.000 ha), Cụm Trung An (17 ha), Cụm Tân Mỹ Chánh (23,57 ha)... Theo đó, nguồn vốn FDI mà các nhà đầu tư nước ngoài rót vào vùng chiếm gần một nửa tổng giá trị thu hút FDI của cả nước. Các tỉnh, thành phố như thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu lần lượt đứng thứ 1, 3, 4, 5 cả nước về thu hút FDI. Trong đó, dầu khí, dệt da, dệt may, điện tử, cơ khí, hóa chất, phân bón, cán thép... là các ngành công nghiệp quan trọng nhất của Vùng. Có được kết quả trên là do các tỉnh, thành vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đã chủ động áp dụng nhiều chính sách hấp dẫn để thu hút vốn FDI. Đơn cử như: tỉnh Long An, để tăng cường thu hút đầu tư, tỉnh cũng thường xuyên kiểm tra, đôn đốc để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng và đầu tư hạ tầng - kỹ thuật để sớm đưa khu, cụm công nghiệp đi vào hoạt động. Còn tại thành phố Hồ Chí Minh, một số Ban quản lý Khu Công nghệ cao, Khu công nghiệp được thành lập thường xuyên có sự phối hợp với các sở, ban, ngành trên địa bàn thành phố nhằm tạo đòn bẩy trong thu hút FDI, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước. Các địa phương khác trong vùng như Bình Dương, Đồng Nai,... đã công khai hóa quy định liên quan đến đầu tư nước ngoài trên mạng, qua đó cung cấp thông tin cho nhà đầu tư về các thủ tục liên quan, quy trình thực hiện theo đúng quy định hiện hành. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã tổ chức các buổi tiếp xúc, làm việc giữa lãnh đạo, các cơ quan có thẩm quyền với doanh nghiệp, nhà đầu tư nước ngoài trên địa bàn để hỗ trợ các nhà đầu tư nước ngoài trong quá trình triển khai thực hiện dự án, nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân

nguồn vốn đăng ký, nâng cao chất lượng của hoạt động đầu tư nước ngoài.

Giai đoạn 2011-2019, GRDP Vùng tăng 6,81%, đặc biệt trong những năm gần đây, GRDP của các tỉnh, thành phố thuộc Vùng đều tăng ở mức cao. Cơ cấu kinh tế của Vùng tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, tập trung phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ có lợi thế so sánh, tạo ra tỷ lệ giá trị gia tăng cao.

Trong năm 2020, tăng trưởng kinh tế của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là 1,89% so với năm 2019. Vùng KTTĐPN là vùng kinh tế năng động nhất của cả nước, tiếp tục khẳng định được vai trò đầu tàu kinh tế. Nửa cuối năm 2020 và năm 2021, đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế trong nước, không chỉ gây thiệt hại về kinh tế do các hoạt động sản xuất kinh doanh đình trệ, gián đoạn chuỗi cung ứng và lưu chuyển thương mại, mà còn ảnh hưởng mạnh đến tâm lý và đời sống nhân dân. Vùng KTTĐPN cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Tốc độ tăng trưởng GRDP cả Vùng và tất cả các địa phương trong Vùng đều giảm mạnh. Hầu hết các chỉ số phát triển công nghiệp, xuất nhập khẩu, thu ngân sách, phát triển doanh nghiệp... đều tăng chậm lại hoặc giảm so với cùng kỳ năm trước.

Bên cạnh đó, mặc dù có vị trí, tiềm năng lợi thế rất lớn, nhưng trong thời gian qua, Vùng KTTĐ phía Nam đã bộc lộ nhiều tồn tại, hạn chế, như: xu hướng tăng trưởng chậm lại, kết cấu hạ tầng không đồng bộ và chậm cải thiện, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông; chất lượng phát triển đô thị còn thấp, bị ảnh hưởng lớn bởi biến đổi khí hậu, nước biển dâng; môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh còn nhiều hạn chế, đang là rào cản lớn cho sự phát triển bền vững của Vùng KTTĐPN. Bên cạnh đó, liên kết các địa phương trong vùng còn yếu, nguyên nhân chính là thể chế liên kết nội vùng yếu, thể hiện qua các chính sách và quy định về liên kết chưa được đầy đủ, không rõ ràng, cơ chế thực thi thiếu hiệu quả; việc hình thành và phát triển vùng còn mang tính hành chính, chủ quan, chưa tạo ra tiếng nói chung giữa các tỉnh, thành phố để tạo điều kiện cho Vùng. Hội đồng Vùng hoạt động chưa hiệu quả. Hội đồng chỉ đóng vai trò cầu nối phối hợp giữa các tỉnh hơn là đóng vai trò điều phối. Cơ chế phối hợp giữa các tỉnh trong vùng còn mang tính tự phát, chỉ dừng lại ở mức cam kết thỏa thuận giữa lãnh đạo các địa phương, nên vẫn mang tính cục bộ, chưa phát huy tối đa hiệu quả, lợi thế so sánh của từng vùng.

2. Một số giải pháp phát triển Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong thời gian tới

Để phát triển Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, trong thời gian tới cần nhiều giải pháp đồng bộ. Đó là:

Một là, Vùng KTTĐPN cần tiếp tục phát huy mạnh mẽ hơn nữa với vai trò là một cực tăng trưởng, đầu tàu phát triển của cả nước, đóng góp vào sự phát triển chung. Các tỉnh, thành phố trong Vùng phát huy tiềm năng, lợi thế, năng lực cạnh tranh, với phương châm hành động cụ thể, hiệu quả để Vùng KTTĐPN đi đầu trong phát triển các mô hình kinh tế hiện đại gắn với chính quyền điện tử, đô thị thông minh và trở thành vùng siêu đô thị, có quy mô hàng đầu khu vực Đông Nam Á trong tương lai gần.

Hai là, trong thời gian tới, cần củng cố tổ chức Hội đồng vùng và hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành Trung ương, các địa phương trong vùng; tiếp tục lấy Thành phố Hồ Chí Minh làm trung tâm của VKTTĐPN, do đó, cần xây dựng và hoàn thiện thể chế thúc đẩy để Thành phố trở thành một cực tăng trưởng, bảo đảm tính lan tỏa cho cả vùng và các vùng khác.

Ba là, Vùng KTTĐPN cần thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư thông thoáng. Tập trung mọi điều kiện tốt nhất để phát triển kinh tế cũng như cơ hội thu hút sự dịch chuyển của dòng vốn đầu tư thế giới. Chủ động, sáng tạo và quyết tâm, hành động cao nhất để Vùng sớm hình thành các chuỗi cung ứng toàn cầu, thu hút các tập đoàn lớn về công nghệ trên thế giới, trở thành một trung tâm công nghệ, công xưởng chế tạo của khu vực và cả nước.

Bốn là, hoàn thiện thể chế thông qua việc rà soát, bổ sung các quy định pháp lý để tạo hành lang thông thoáng cho hoạt động khai thác tiềm năng, thế mạnh của mỗi địa phương trong vùng; phát huy hơn nữa vai trò của Ban Chỉ đạo, Hội đồng vùng trong công tác thực hiện, giám sát, tổng kết đánh giá hoạt động liên kết các địa phương trong vùng và liên kết vùng, hiệu quả của hoạt động kết nối liên tỉnh, liên vùng; tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định, chính sách về phát triển vùng để kịp thời đề xuất, điều chỉnh cho phù hợp...

Năm là, hoàn thiện cơ chế phối hợp các địa phương trong vùng. Việc hợp tác giữa các tỉnh, thành phố trong vùng phải có sự đồng bộ, thống nhất với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, ngắn hạn với các chính sách kinh tế vĩ mô của đất nước. Ngoài sự chủ động của các tỉnh, thành phố, cần có cơ chế quản lý, điều hành mối quan hệ trong vùng với tính chất ràng buộc trách nhiệm cao hơn.

Sáu là, hoàn thiện công tác kiểm tra, giám sát cơ chế phối hợp. Bên cạnh việc hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các địa phương trong vùng thì công tác kiểm tra, giám sát cơ chế phối hợp cần được quan tâm đúng mức. Để cơ chế phối hợp tác động đúng hướng, đúng lúc đòi hỏi trong quá trình vận hành

phải tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát có trọng tâm, trọng điểm, nhận diện những ưu, khuyết điểm của cơ chế phối hợp, từ đó đề ra các biện pháp kịp thời nhằm phát huy những mặt tốt, khắc phục những mặt hạn chế, bảo đảm cho cơ chế phối hợp của các địa phương diễn ra thông suốt, hiệu quả. Cần thành lập bộ phận kiểm tra, giám sát vùng trực thuộc Văn phòng Hội đồng vùng.

Bảy là, các địa phương trong vùng cần xây dựng chương trình chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho cả vùng nói chung và từng địa phương nói riêng. Tạo điều kiện và có chính sách tốt thu hút các nhà quản lý giỏi, các chuyên gia khoa học, công nhân có tay nghề cao, lao động có kinh nghiệm... đến sinh sống và làm việc tại vùng, đặc biệt là tham gia vào bộ máy giúp việc cho các cơ quan trong vùng. Khuyến khích đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục - đào tạo, tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo...

Tám là, nâng cao năng lực tài chính vùng qua cơ chế đặc thù phân bổ ngân sách của Trung ương. Vùng cần có nguồn vốn chung để duy trì và nâng cao hiệu quả liên kết của các địa phương trong vùng. Nguồn vốn này nên được hình thành từ một phần kinh phí do Trung ương cấp, một phần từ đóng góp của các địa phương trong vùng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Chín là, phát huy vai trò đầu tàu của Thành phố Hồ Chí Minh trong hợp tác, điều phối vùng. Để

Thành phố thật sự là đầu tàu, chủ động điều tiết, vùng trong chiến lược phát triển, cần đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông để giải quyết vấn đề bài toán quá tải như hiện nay, cần có cơ chế điều phối để vừa bảo đảm tính chủ động, sáng tạo trong việc phát triển vùng để các địa phương phát huy thế mạnh, dựa trên lợi thế so sánh của mình, vừa giúp Hội đồng vùng phát huy chức năng điều hành và ra quyết định để tránh tình trạng các thành viên trong vùng liên kết tự phát, manh mún, mạnh ai nấy làm, thậm chí cạnh tranh lẫn nhau./

Tài liệu tham khảo

Chính phủ (2020). Thông báo số 207/TB-VPCP, ngày 18/06/2020 Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị với lãnh đạo các tỉnh, thành phố Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

Xuân Duy (2021). Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam: hoạt động sản xuất kinh doanh phục hồi mạnh mẽ, <https://www.qdnd.vn/xa-hoi/cac-van-de/vung-kinh-te-trong-diem-phia-nam-hoat-dong-san-xuat-kinh-doanh-phuc-hoi-manh-me-680004>

Viết Tôn (2021). Giải pháp đột phá phát triển vùng kinh tế trọng điểm, <https://baotintuc.vn/thoi-su/giai-phap-dot-pha-phat-trien-vung-kinh-te-trong-diem-20210206233826782.htm>

Những thay đổi trong mô hình kinh doanh...

Tiếp theo trang 98

5. Kết luận

Sự bùng phát COVID-19 là một lời nhắc nhở sắc bén rằng đại dịch cũng giống như những thảm họa khác tuy hiếm khi xảy ra, nhưng đã từng xảy ra trong quá khứ và sẽ tiếp tục xảy ra trong tương lai. COVID, giãn cách đã giúp các doanh nghiệp nhìn rõ sự bất cập trong quy trình hơn bao giờ hết, vì vậy, việc áp dụng các công cụ số hóa trong kinh doanh là một xu hướng tất yếu nếu doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển cả trong những giai đoạn khó khăn. Bên cạnh đó, xây dựng những chiến lược dự phòng rủi ro sẽ giúp doanh nghiệp có khả năng ứng phó với những tình huống xấu của các cuộc khủng hoảng. Ngoài ra, việc chuyển dịch định hướng, chiến lược kinh doanh từ "kinh doanh vì lợi nhuận trên hết" sang kinh doanh có trách nhiệm với xã hội, với cộng đồng sẽ giúp doanh nghiệp xây dựng được thương hiệu, hình ảnh đẹp trong tâm trí người tiêu dùng, là nền tảng vững chắc để doanh nghiệp có thể phát triển kinh doanh bền vững./

Tài liệu tham khảo

Nielsen (2020), Key Consumer Behavior Thresholds Identified as the Coronavirus Outbreak Evolves-Nielsen.

Flatters & Willmott (2009), 'Understanding the post-recession consumer', Harvard Business Review, Vol. 7, Issue 7/8, p106-112.

Seema Mehta, Tanjul Saxena, Neetu Purohit (2020), The New Consumer Behaviour Paradigm amid COVID-19: Permanent or Transient?, Volume: 22 issue: 2, page(s): 291-301.

He, H., & Harris, L. (2020), The impact of COVID-19 pandemic on corporate social responsibility and marketing philosophy, Journal of Business Research.